

VN-Index **1788.78 (1.17%)**

950 Tr. cổ phiếu 19458.5 Tỷ VND (5.54%)

HNX-Index **283.19 (-0.31%)**

67 Tr. cổ phiếu 1105.4 Tỷ VND (-1.66%)

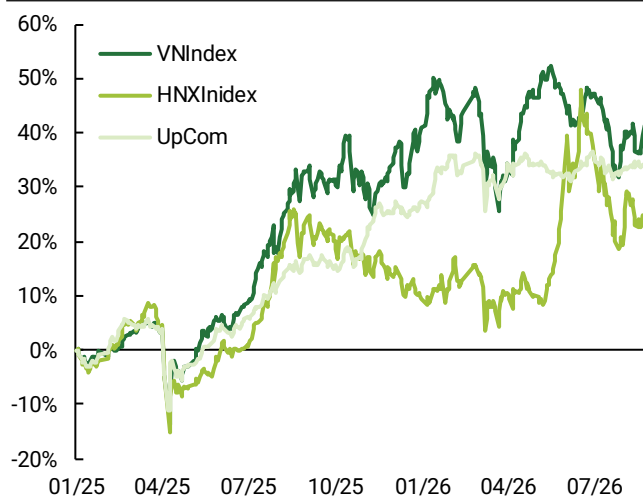
UPCOM-Index **127.75 (0.18%)**

21 Tr. cổ phiếu 342.3 Tỷ VND (-29.55%)

VN30F1M **1943.00 (0.45%)**

199,426 HD OI: 36,181 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1788.8, tăng +20.7 điểm (+1.17%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. VN30 tăng trong khi HNXIndex giảm.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực chốt lời kỹ thuật gia tăng trong phiên chiều khiến chỉ số thu hẹp đà tăng. Mặt bằng cổ phiếu cũng chịu áp lực bán. Dù vậy, dòng tiền vẫn phân hóa và luân chuyển giữa các nhóm ngành, chưa có dấu hiệu rút lui.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: TCH (+6.9%), QCG (+6.9%), DXS (+6.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: TTA (+1.7%), GAS (+1.8%) | Tài nguyên Cơ bản: HPG (+2.5%), NKG (+2.8%) | Dịch vụ tài chính: VIX (+2.2%), SSI (+2.4%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: LPB (-1.8%), TPB (-1.4%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (-1.5%), VNM (-0.9%) | Xây dựng và Vật liệu: HVH (-3.6%), CTR (-0.8%) | Công nghệ Thông tin: FPT (-0.8%), ELC (-0.7%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPB, HPG, GAS - Chiều giảm | LPS, CTG, LPB, ACB, TCB.
- Khối ngoại Mua ròng hơn 170 tỷ đồng, tập trung nhiều ở HPG, VIC, VPB, trong khi bán ròng VCB, DCM, BVH.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji giằng co. Áp lực chốt lời kỹ thuật gia tăng khi chỉ số tiếp cận vùng cản 1800 điểm. Dù vậy, thanh khoản vẫn duy trì mức cao cho thấy lực cầu hấp thụ tốt, chưa ghi nhận dấu hiệu suy yếu đáng kể. Vùng 1765–1785 điểm, tương ứng khu vực "gap tăng", hiện là hỗ trợ gần. Nếu chỉ số giữ vững trên vùng này, khả năng bứt phá mốc 1800 điểm sẽ được củng cố. Khi đó, mục tiêu cao hơn là hướng tới ngưỡng 1860 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ duy trì cấu trúc hồi phục được nâng lên quanh ngưỡng 1755 điểm.
- Đối với HNX-Index**, áp lực bán cũng chi phối về cuối phiên khiến chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Vận động khả năng trở lại rung lắc, tích lũy thêm động lượng trong vùng 280 – 290 điểm. Kháng cự quan trọng quanh mức 300 điểm.
- Chiến lược:** Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại, đồng thời theo dõi phản ứng của thị trường khi tiếp cận vùng 1800 điểm. Nếu chỉ số vượt cản với sự đồng thuận của dòng tiền, có thể cân nhắc gia tăng tỷ trọng. Ngược lại, nếu xuất hiện tín hiệu suy yếu dưới ngưỡng 1755 điểm, nên chủ động hạ bớt vị thế cổ phiếu. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Dầu khí, Bất động sản, các DNNN đầu ngành.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi MBB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,788.8 ▲	1.2%	3.5%	6.1%	19,458.5 ▲	5.5%	39.9%	39.3%	949.7 ▲	8.3%	81.7%	60.4%				
HNX-Index	283.2 ▼	-0.3%	1.6%	3.7%	1,105.4 ▼	-1.7%	76.1%	46.7%	66.7 ▼	-7.0%	81.8%	40.0%				
UPCOM-Index	127.8 ▬	0.2%	-0.3%	1.5%	342.3 ▼	-29.6%	-2.2%	-23.1%	20.7 ▼	-43.6%	19.4%	-48.3%				
VN30	1,942.0 ▬	0.7%	3.4%	6.2%	9,048.4 ▼	-10.3%	14.8%	18.8%	282.8 ▼	-15.0%	22.2%	19.2%				
VNMID	1,972.7 ▬	0.8%	2.7%	6.9%	8,822.0 ▲	25.2%	72.9%	69.9%	470.5 ▲	27.9%	94.8%	68.4%				
VNSML	1,271.9 ▬	0.7%	1.7%	4.4%	1,156.5 ▲	20.5%	95.6%	133.7%	111.1 ▲	52.3%	175.0%	167.1%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	633.1 ▼	-0.1%	1.77%	6.4%	5,424.3 ▲	13.9%	22.8%	22.6%	252.1 ▲	7.0%	23.9%	22.4%				
Bất động sản	964.5 ▲	3.6%	7.2%	4.5%	3,331.6 ▲	23.0%	28.1%	4.6%	145.1 ▲	34.0%	57.4%	40.3%				
Dịch vụ tài chính	291.5 ▼	-0.2%	3.5%	5.4%	3,584.9 ▲	8.4%	50.3%	54.1%	201.5 ▲	10.9%	55.3%	61.3%				
Công nghiệp	235.9 ▼	-0.3%	1.5%	8.2%	1,093.3 ▼	-22.2%	-4.4%	2.9%	43.5 ▼	-23.5%	3.8%	7.2%				
Tài nguyên cơ bản	491.0 ▲	2.3%	4.5%	6.9%	864.1 ▲	29.3%	48.0%	43.7%	46.2 ▲	24.9%	43.1%	44.2%				
Xây dựng - Vật Liệu	159.9 ▼	-0.2%	1.4%	8.4%	708.7 ▲	29.4%	47.2%	44.8%	45.7 ▲	44.0%	57.7%	53.5%				
Thực phẩm	503.1 ▼	-0.1%	2.2%	6.5%	1,352.2 ▬	0.6%	7.2%	18.4%	33.2 ▲	10.1%	16.2%	24.8%				
Bán Lẻ	1,441.1 ▼	-0.2%	-1.6%	15.9%	366.7 ▼	-63.1%	-35.1%	-46.5%	5.4 ▼	-60.1%	-31.8%	-45.8%				
Công nghệ	385.8 ▼	-0.7%	3.6%	12.2%	492.9 ▼	-14.6%	15.2%	-4.2%	31.0 ▲	255.9%	142.8%	212.3%				
Hóa chất	168.1 ▬	0.4%	2.9%	17.5%	417.1 ▲	8.1%	33.7%	47.2%	15.6 ▲	9.2%	35.8%	40.3%				
Tiện ích	770.9 ▬	0.9%	4.3%	14.8%	385.8 ▼	-12.2%	-6.8%	7.6%	12.8 ▼	-47.0%	-21.4%	-21.3%				
Dầu khí	111.1 ▲	1.8%	6.0%	14.6%	733.6 ▲	27.0%	-5.57%	39.9%	26.8 ▲	12.4%	-14.8%	23.5%				
Dược phẩm	395.8 ▲	1.3%	1.8%	4.4%	144.2 ▲	76.8%	115.3%	106.6%	6.0 ▲	168.5%	156.8%	140.1%				
Bảo hiểm	101.9 ▼	-1.8%	-4.4%	12.0%	72.1 ▲	49.7%	99.3%	108.6%	1.5 ▲	58.4%	86.5%	97.0%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,788.8 ▲	1.17%	0.2%	13.4x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,601 ▼	-0.79%	27.1%	15.2x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,502 ▼	-0.37%	-24.8%	14.2x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,819 ▼	-0.11%	4.2%	15.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,251 ▬	0.21%	3.3%	9.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,882 ▼	-0.59%	-2.2%	19.5x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,517 ▼	-1.89%	-0.4%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,528 ▼	-0.74%	30.2%	21.5x	2.9x
S&P 500	Mỹ	7,674 ▬	0.43%	12.1%	28.2x	5.8x
Dow Jones	Mỹ	53,277 ▬	0.98%	10.8%	24.7x	6.2x
FTSE 100	Anh	10,838 ▬	0.20%	9.1%	15.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,460 ▼	-0.04%	11.5%	17.6x	2.5x
DXV		99.0 ▬	0.21%	0.7%		
USDVND		26,167 ▬	0.195%	-0.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

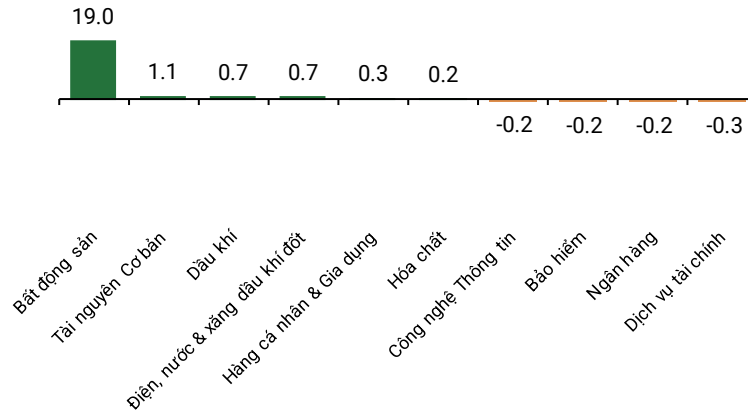
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.42%	-3.9%	52.9%	37.4%
Dầu WTI	▼	-1.98%	-4.4%	48.6%	34.1%
Khí gas	▬	0.1%	-3.3%	-24.7%	2.9%
Than cốc (*)	▲	3.0%	-2.8%	20.8%	16.8%
Thép HRC (*)	▲	1.2%	1.2%	1.7%	-3.2%
PVC (*)	▼	-0.4%	-1.2%	0.8%	-7.1%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-0.9%	-1.8%	-20.8%
Cao su thiên nhiên	▲	1.4%	8.8%	31.2%	38.9%
Bông Cotton	▼	-0.7%	10.1%	34.6%	30.2%
Đường	▼	-1.9%	17.0%	15.1%	4.9%
World Container Index	▬	0.0%	3.5%	104.5%	101.1%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.3%	18.6%	127.7%	188.3%
Vàng	▬	0.79%	14.5%	7.4%	37.6%
Bạc	▼	-0.21%	18.4%	-3.9%	77.0%

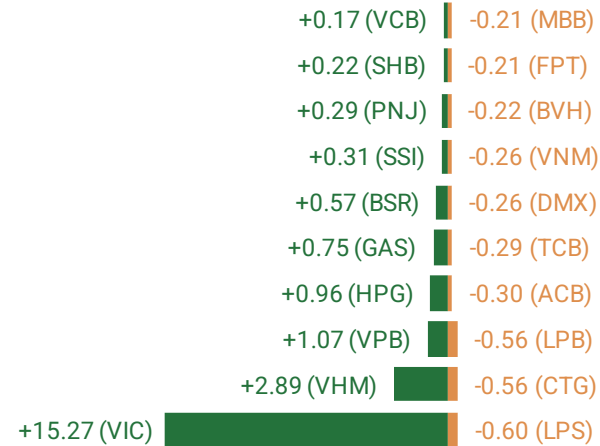
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

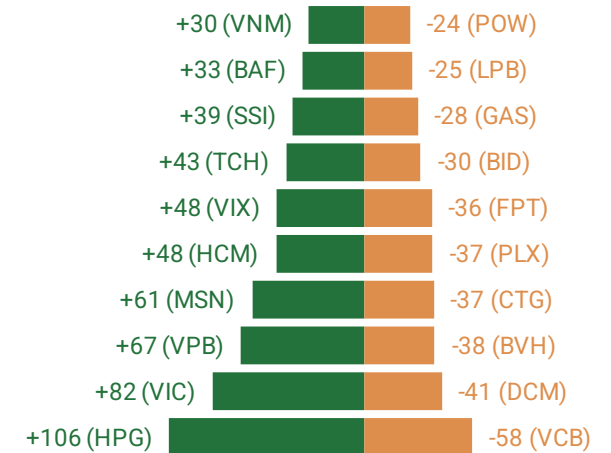
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



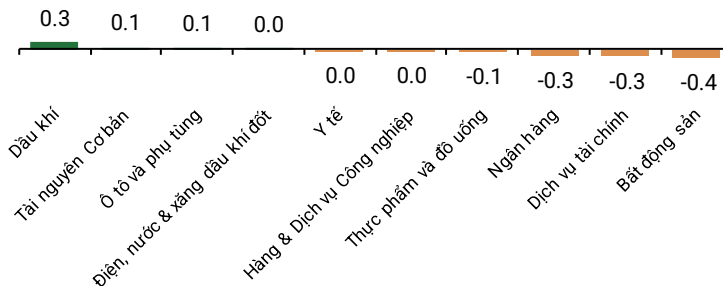
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



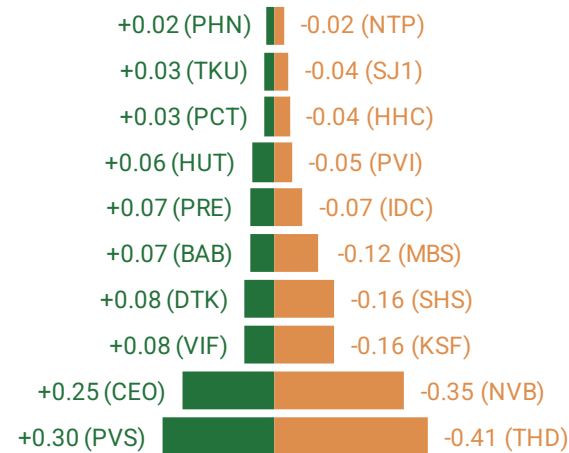
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



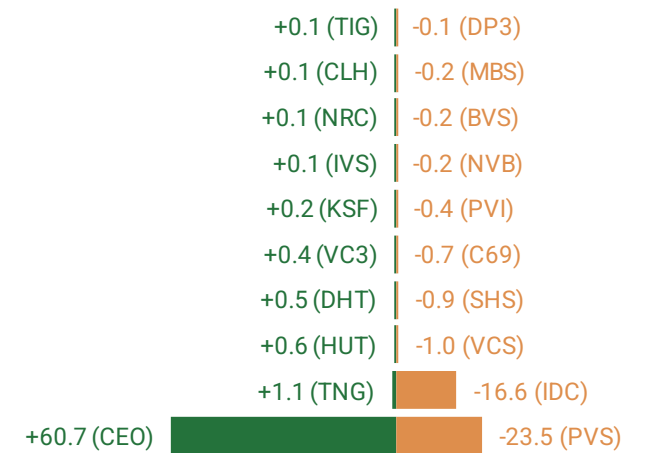
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

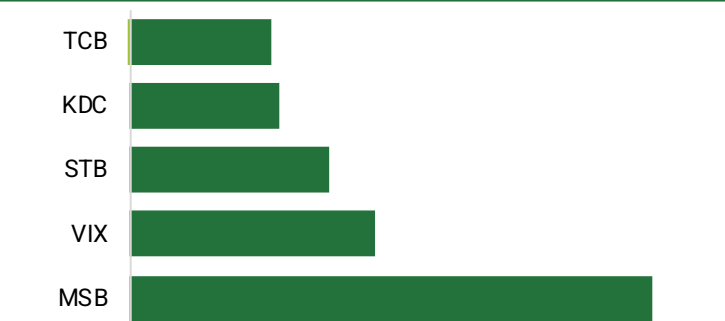


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIX	VIC	SSI	HPG	SHB
%DoD	2.2%	4.6%	2.4%	2.5%	1.7%
Giá trị	891	767	693	637	609

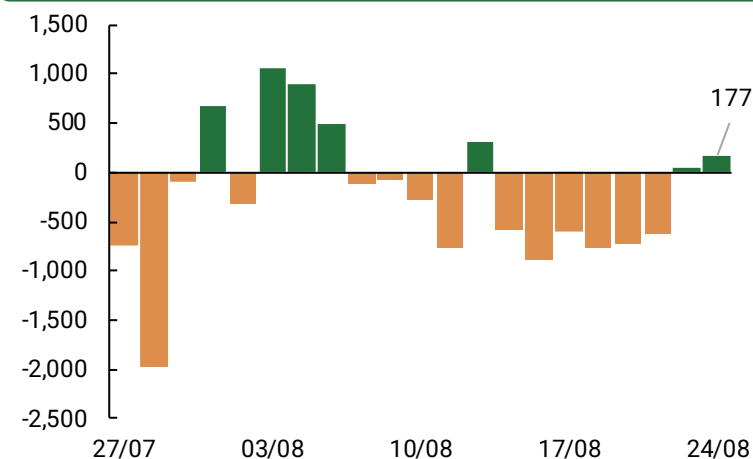
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	MSB	VIX	STB	KDC	TCB
%DoD	0.3%	2.2%	0.3%	0.6%	-0.6%
Giá trị	867	407	330	248	236

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



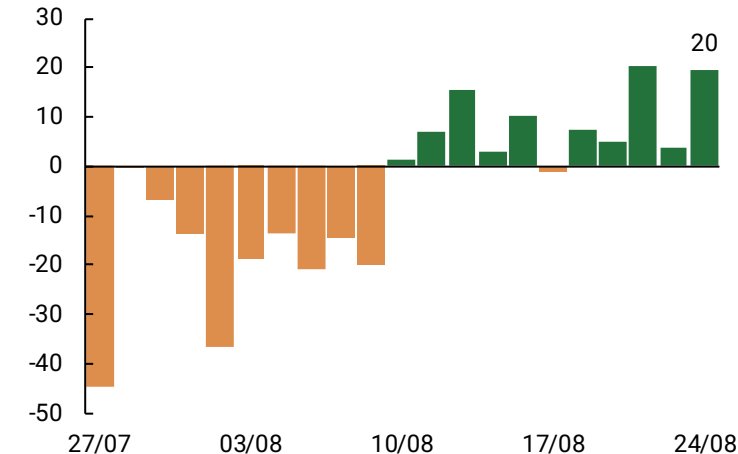
	CEO	SHS	PVS	MBS	IDC
%DoD	5.6%	-1.9%	2.7%	-1.1%	-0.9%
Giá trị	269	252	185	88	58

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	CAR	VTV	MEL	IDC	PVS
%DoD	0.0%	1.4%	0.0%	-0.9%	2.7%
Giá trị	9	3	1	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 | 1750.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1860.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Chỉ số mở “gap tăng” sau nến Marubozu, xác nhận cho đà. Khu vực “gap” này sẽ trở thành hỗ trợ trong ngắn hạn, tương ứng vùng 1765 – 1785 điểm. Nếu vận động tiếp tục duy trì tốt trên vùng này, khả năng bứt phá mốc 1800 điểm sẽ được củng cố, khi đó kháng cự cao hơn hướng tới là mốc 1860 điểm. Trái lại, vận động lùi về dưới ngưỡng 1750 điểm sẽ phát tín hiệu động lượng tăng vi phạm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning Top, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1860.
- ✓ Kháng cự: 1940 | 1980.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.
- ✓ **Kịch bản:** Sắc xanh được duy trì nhưng vận động có xu hướng chững lại khi tiếp cận MA200 ngày, quanh ngưỡng 1955 điểm. Vận động có thể trở lại rung lắc, tích lũy thêm động lượng quanh vùng 1920 – 1950 điểm. Nếu lực cầu vẫn duy trì vững, mục tiêu có thể tiếp tục hướng tới mốc 2000 điểm. Trái lại, sự suy yếu dưới ngưỡng 1890 sẽ khiến động lượng tăng vi phạm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio		
Ticker	MBB	WATCH	Current price	20.75	P/E (x)	6.0	
			Watch zone	20 - 20.4	P/B (x)	1.2	
Exchange			HOSE	Target price	22	EPS	3442.2
				Cut loss price	19.5	ROE	20.9%
Sector	Banks				Stock Rating	BBB	
					Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA20, MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện trên miền dương, trong khi RSI cũng duy trì trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 giúp củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng hạ nhiệt củng cố lại nền giá và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá điều chỉnh kiểm định tốt khu vực 20 – 20.4 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Theo dõi	25/08/2026	20.75	20 - 20.4	-	22	8.9%	19.5	-3.5%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MCH	Mua	30/07/2026	-	139.7	135 - 136	3.1%	150	10.7%	129	-4.8%	
2	VCB	Mua	07/08/2026	-	59.2	58.5 - 59	0.8%	65	10.6%	55.5	-5.5%	
3	HDB	Mua	10/08/2026	-	27.4	26.2 - 26.6	3.8%	28.6	8.3%	25.4	-3.8%	
4	CTR	Mua	11/08/2026	-	76.4	74.6 - 75.6	1.9%	83	10.7%	71.5	-4.7%	
5	BSR	Mua	12/08/2026	-	27.4	25.8 - 26.2	5.4%	29	11.5%	24.5	-5.8%	
6	SAB	Mua	12/08/2026	-	46.1	45.4 - 45.8	1.1%	50	9.6%	43.5	-4.6%	
7	DGW	Mua	13/08/2026	-	42.8	40.5 - 41.5	4.4%	45	9.8%	38.5	-6.1%	
8	VGC	Mua	24/08/2026	-	40.9	40 - 41	1.0%	45	11.1%	38.5	-4.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1943, tăng 8.8 điểm (+0.5%). Giá mở cửa hưng phấn nhưng vận động chứng lại sau đó, và gần như đi ngang quanh khu vực 1940 điểm.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì trên đường signal, cùng với RSI trở lại vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng đi lên vẫn được giữ vững. Tuy nhiên, giá nhiều lần chưa thể vượt trên ngưỡng 1945, cho thấy lực cung đang chi phối tại đây. Vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi giá vượt và củng cố được trên ngưỡng 1946. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1935.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1855.4, tăng 11.7 điểm (+0.6%). Độ lệch basis 1.4 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 38 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1845 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1860 điểm.

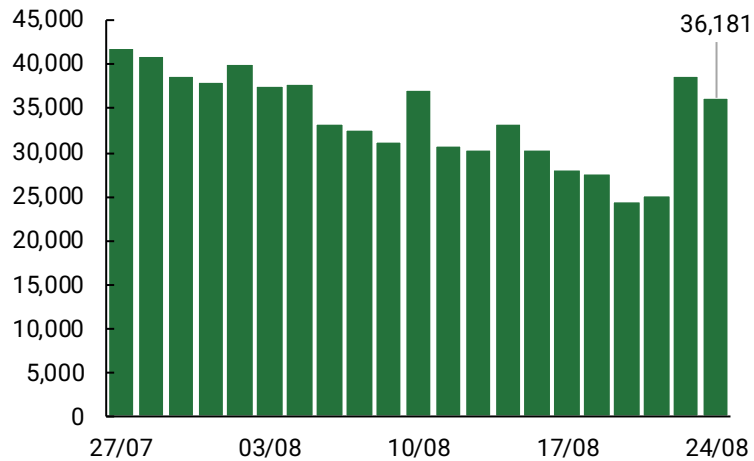
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1946	1960	1938	14 : 8
Short	< 1935	1921	1942	14 : 7

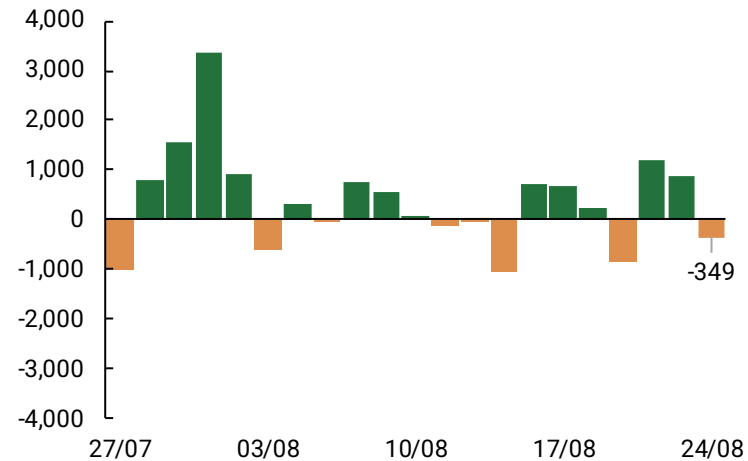
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,937.7	8.2	57	265	1,960.8	-23.1	18/03/2027	206
4111GC000	1,934.9	4.8	566	600	1,952.5	-17.6	17/12/2026	115
4111GA000	1,938.0	8.0	327	258	1,946.7	-8.7	15/10/2026	52
4111G9000	1,943.0	8.8	199,426	36,181	1,944.2	-1.2	17/09/2026	24
4112G9000	1,855.4	11.7	38	36	1,856.1	-0.7	17/09/2026	24

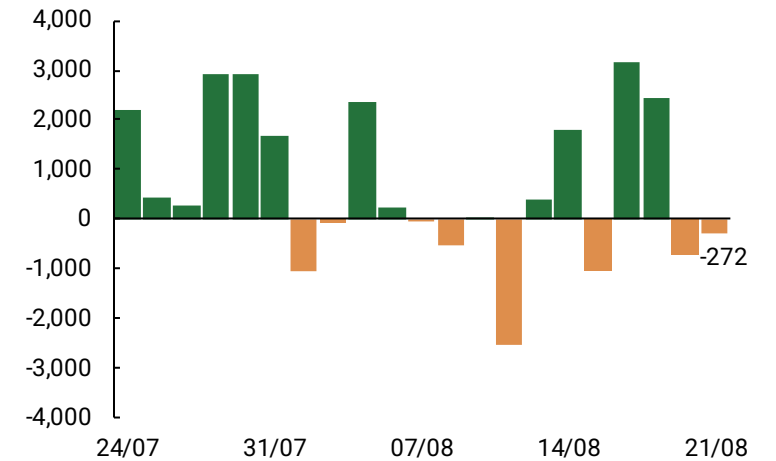
Khối lượng mở (Open interest)



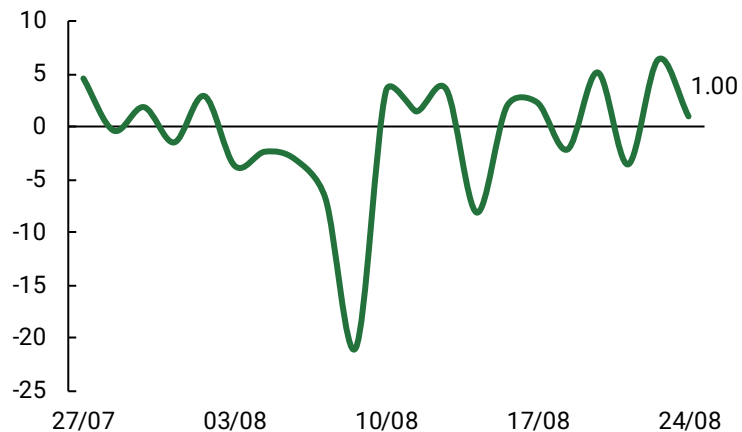
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



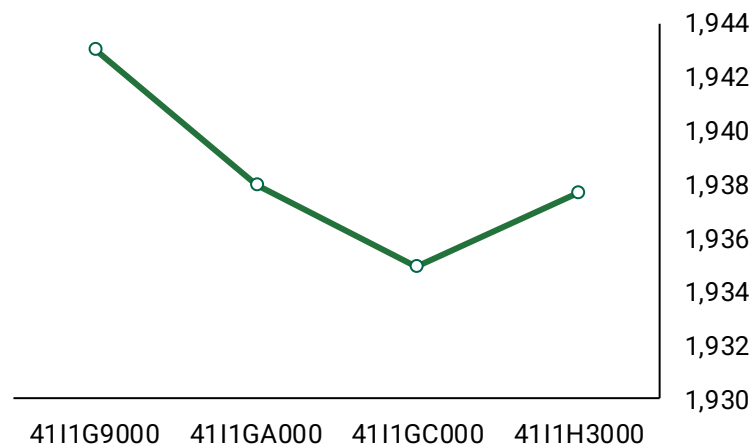
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



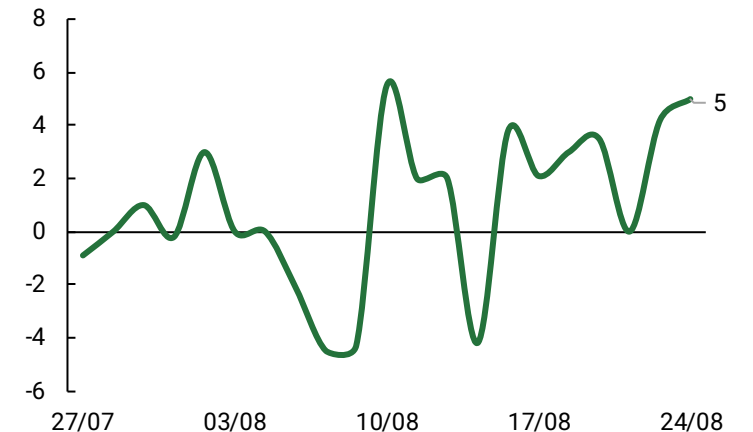
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



03/08

Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
Việt Nam – Chỉ số PMI,
Danh mục VN30, VN100 có hiệu lực,
Báo cáo kinh tế – xã hội tháng 7/2026

07/08

Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi
nông nghiệp

09/08

Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI

11/08

Úc – RBA họp và công bố lãi suất

12/08

Mỹ – Chỉ số CPI

13/08

Việt Nam – MSCI công bố danh mục
Mỹ – Chỉ số PPI

14/08

Việt Nam – Hạn BCTC Q2/2026 soát xét

17/08

Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp,
Doanh số bán lẻ

20/08

Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
Việt Nam – Đáo hạn HĐTL

26/08

Mỹ – Chỉ số PCE, ước tính GDP

27 –
29/08

Mỹ - Hội nghị kinh tế Jackson Hole

THÔNG TIN VĨ MÔ

Quốc hội thông qua cơ chế đặc thù cho các dự án phục vụ APEC 2027: Sáng 24/8, Quốc hội thông qua Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn cho các dự án, công trình phục vụ APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang. Nghị quyết được 464/476 đại biểu có mặt tán thành và áp dụng cho các dự án đã triển khai từ tháng 3/2025 đến trước ngày 18/5/2026. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/09/2026.

NHNN tiếp tục rút ròng hơn 7,800 tỷ đồng trong tuần 17–21/08: Trong tuần 17–21/08, NHNN tiếp tục rút ròng 7,839 tỷ đồng qua kênh thị trường mở. Cụ thể, NHNN bơm mới 27,506 tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn 7–16 ngày và lãi suất 4.5%/năm, trong khi khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá đạt 35,345 tỷ đồng. Sau giao dịch, lượng OMO lưu hành trong hệ thống còn khoảng 20,021 tỷ đồng. Cập nhật đến ngày 20/08, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm giảm xuống 3.01%/năm, kỳ hạn 1 tuần ở mức 3.73%/năm.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FTSE - 27 cổ phiếu Việt Nam được bổ sung vào FTSE All-Cap: FTSE Russell công bố bổ sung 27 cổ phiếu Việt Nam vào rổ FTSE All-Cap, trong đó VCB, VIC, VHM, BID, HPG và VPB đồng thời được thêm vào FTSE All-World. Thay đổi dự kiến có hiệu lực sau phiên 18/9/2026, qua đó có thể hỗ trợ dòng vốn ngoại thụ động phân bổ vào thị trường Việt Nam theo lộ trình nâng hạng.

HDB - Dự kiến phát hành 500 triệu USD trái phiếu quốc tế: HDBank dự kiến phát hành tối đa 500 triệu USD trái phiếu quốc tế và đặt mục tiêu niêm yết lô trái phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán London. Nếu thực hiện thành công, HDBank dự kiến trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên niêm yết trái phiếu tại LSE. Kế hoạch này nối tiếp thương vụ huy động 721 triệu USD khoản vay xã hội hợp vốn quốc tế vào cuối tháng 7/2026.

TCX - Chuẩn bị chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%: TCBS thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu sẽ nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Công ty dự kiến phát hành thêm 554.89 triệu cổ phiếu, qua đó nâng vốn điều lệ từ 27,744.5 tỷ đồng lên 33,293.4 tỷ đồng. Đợt phát hành dự kiến hoàn thành trong quý III–IV/2026.

SZC - Sắp chi gần 180 tỷ đồng trả cổ tức tiền mặt: Sonadezi Châu Đức chốt danh sách cổ đông vào ngày 14/9/2026 để trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tương ứng 1,000 đồng/cp. Với gần 180 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi gần 180 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Lũy kế 6 tháng, SZC ghi nhận lãi ròng gần 36.1 tỷ đồng, giảm 83.6% YoY do không còn khoản doanh thu lớn từ kinh doanh hạ tầng KCN lần 1 như cùng kỳ.

DMC - Trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 25%: Domesco chốt danh sách cổ đông vào ngày 15/9 để trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, tương ứng 2,500 đồng/cp. Với hơn 34.7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 87 tỷ đồng; trong đó công ty mẹ Abbott Laboratories dự kiến nhận khoảng 45 tỷ đồng. Nửa đầu năm 2026, DMC ghi nhận doanh thu thuần 1,039 tỷ đồng và LNST gần 110 tỷ đồng, tăng lần lượt 6% và 39% YoY.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	42,200	73,400	73.9%	Mua
CTG	31,800	40,700	28.0%	Mua
CTD	63,200	82,900	31.2%	Mua
DBD	49,600	68,000	37.1%	Mua
DDV	18,185	35,900	97.4%	Mua
DGW	42,800	47,500	11.0%	Tăng tỷ trọng
DPG	30,500	42,300	38.7%	Mua
DPR	37,000	46,500	25.7%	Mua
DRI	14,056	17,200	22.4%	Mua
EVF	12,650	14,400	13.8%	Tăng tỷ trọng
FRT	147,500	151,000	2.4%	Nắm giữ
GMD	77,500	88,900	14.7%	Tăng tỷ trọng
HAH	48,350	58,300	20.6%	Mua
HDG	16,750	30,900	84.5%	Mua
HHV	10,150	11,700	15.3%	Tăng tỷ trọng
HPG	22,250	34,200	53.7%	Mua
IMP	38,800	54,400	40.2%	Mua
KDH	18,550	38,800	109.2%	Mua
MCH	139,700	148,500	6.3%	Nắm giữ
MWG	75,100	115,600	53.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,750	27,500	32.5%	Mua
NLG	24,500	39,400	60.8%	Mua
NT2	21,350	27,700	29.7%	Mua
PHR	60,800	72,800	19.7%	Tăng tỷ trọng
PNJ	42,650	75,500	77.0%	Mua
PVS	38,000	39,900	5.0%	Nắm giữ
PVT	20,650	26,000	25.9%	Mua
POW	13,550	15,000	10.7%	Tăng tỷ trọng
SAB	46,100	54,900	19.1%	Tăng tỷ trọng
SSI	21,250	31,200	46.8%	Mua
TLG	52,600	50,000	-4.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,450	41,700	32.6%	Mua
TCM	16,550	35,300	113.3%	Mua
TRC	82,600	91,800	11.1%	Tăng tỷ trọng
VCB	59,200	79,700	34.6%	Mua
VPB	26,350	36,500	38.5%	Mua
VCG	16,150	23,300	44.3%	Mua
VHC	53,000	58,000	9.4%	Nắm giữ
VNM	63,200	66,650	5.5%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801